ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17 /2017/QĐ-UBND	*Bến Tre, ngày 22 tháng 3 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 33/2015/TT-BCA ngày 20 tháng 7 năm 2015 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh Bến Tre tại Tờ trình số 22/TTr-CAT(PA83) ngày 10 tháng 3 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2017 và thay thế Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục An ninh - Bộ Công an;
- Cục An ninh chính trị nội bộ - Tổng cục An ninh;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp "tự kiểm tra";
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh "đưa tin";
- Báo Đồng Khởi"đưa tin";
- Website tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điện tử;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Ban Tiếp Công dân (niêm yết);
- Phòng: NC,TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Văn Trọng

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, cá nhân trong bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) và mọi công dân trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Độ mật là mức độ quan trọng của bí mật Nhà nước, mức độ thiệt hại nếu tin, tài liệu bí mật Nhà nước bị tiết lộ. Độ mật được phân thành 3 cấp độ: Tuyệt mật, Tối mật, Mật.

2. Danh mục bí mật Nhà nước là văn bản quy phạm pháp luật do cấp có thẩm quyền ban hành quy định các độ mật.

3. Vật mang bí mật Nhà nước là vật thể có lưu giữ, chứa đựng bí mật Nhà nước.

4. Phổ biến bí mật Nhà nước là truyền đạt tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước bằng các hình thức khác nhau cho các đối tượng được phép tiếp nhận theo quy định.

Điều 3. Phạm vi bí mật Nhà nước tỉnh Bến Tre

1. Bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre là những tin về vụ việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói (sau đây gọi tắt là tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước) thuộc danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và độ Mật theo phê duyệt của Bộ Công an đối với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước thuộc danh mục bí mật Nhà nước

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

của các cơ quan ngành dọc của Trung ương, cơ quan Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành khác mà các cơ quan, tổ chức tại Bến Tre có chức năng thực hiện và lưu giữ hoặc các tài liệu được đóng dấu độ mật do các cơ quan, tổ chức khác gửi đến.

3. Các khu vực cấm, địa điểm cấm trên địa bàn tỉnh Bến Tre đã được xác định theo Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2013 về việc "xác định khu vực cấm, địa điểm cấm thuộc phạm vi bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre".

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thành lập bộ phận bảo vệ bí mật Nhà nước

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thành lập Tổ bảo vệ bí mật Nhà nước tại đơn vị mình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thành lập Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tại địa phương mình.

2. Bộ phận bảo vệ bí mật Nhà nước có các nhiệm vụ sau:

a) Giúp thủ trưởng cơ quan, tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước;

b) Đề xuất xây dựng và ban hành các quy định, nội quy có liên quan đến công tác bảo vệ bí mật Nhà nước, xác định khu vực, địa điểm thuộc phạm vi bí mật Nhà nước và các bộ phận quan trọng, thiết yếu;

c) Đề xuất lập danh mục, rà soát, sửa đổi, bổ sung đối với các danh mục bí mật Nhà nước và việc thay đổi độ mật, giải mật đối với các tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước; bố trí cán bộ đủ tiêu chuẩn làm công tác bảo vệ bí mật Nhà nước;

d) Tham mưu giúp thủ trưởng cơ quan, tổ chức đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và các phương tiện kỹ thuật phục vụ có hiệu quả công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 5. Cán bộ làm công tác có liên quan đến bí mật Nhà nước

1. Cán bộ được phân công trong bộ phận bảo vệ bí mật Nhà nước phải có lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật cao, luôn đề cao ý thức cảnh giác và giữ gìn bí mật Nhà nước; có trình độ chuyên môn, năng lực công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật Nhà nước, cán bộ thường xuyên tiếp xúc với tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước phải viết bản cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước bằng văn bản và nộp cho bộ phận bảo mật của cơ quan, tổ chức lưu

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

giữ (có mẫu bản cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước kèm theo).

Điều 6. Lập, sửa đổi, bổ sung, giải mật danh mục bí mật Nhà nước

1. Căn cứ quy định tại các Điều 5, 6 và 7 của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức đối chiếu để xác định phạm vi bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật, Mật của cơ quan, đơn vị, báo cáo theo hệ thống dọc đến người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Công an tỉnh - Thường trực Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh) để tập hợp, xem xét lập danh mục bí mật Nhà nước theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 33/2002/NĐ-CP. Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, tổ chức, Công an tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công an phê duyệt.

2. Vào ngày 31/10 hàng năm, các cơ quan, tổ chức báo cáo Công an tỉnh (qua Phòng An ninh chính trị nội bộ) các trường hợp danh mục bí mật Nhà nước không còn phù hợp, cần thay đổi độ mật, cần giải mật hoặc xác định những nội dung mới cần được bảo mật để Công an tỉnh làm thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục bí mật Nhà nước hoặc thay đổi độ mật, giải mật danh mục bí mật Nhà nước của các cơ quan, tổ chức.

Điều 7. Văn bản quy định độ mật đối với từng loại tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước cụ thể

Trên cơ sở danh mục bí mật Nhà nước của ngành dọc và danh mục bí mật Nhà nước của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã được cấp có thẩm quyền quyết định, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức phải đối chiếu với điều kiện thực tế của cơ quan mình để có văn bản quy định cụ thể từng cấp độ mật đối với các loại tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước do cơ quan, tổ chức mình chủ trì ban hành hoặc xác định.

Điều 8. Phổ biến, nghiên cứu tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước

1. Đúng đối tượng, phạm vi cần được phổ biến hoặc được quyền nghiên cứu.

2. Tổ chức ở nơi đảm bảo bí mật, an toàn.

3. Chỉ được ghi chép, ghi âm, ghi hình khi được phép của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp phổ biến tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước. Các băng ghi âm, ghi hình phải được quản lý, bảo vệ như tài liệu gốc.

Điều 9. Thẩm quyền cho phép in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền cho phép in, sao chụp tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật, Mật.

2. Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hoặc tương

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

đương có thẩm quyền cho phép in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước độ Tối mật, Mật.

3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Hành chính hoặc Trưởng một số bộ phận, đơn vị được ủy quyền có thẩm quyền cho phép in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước độ Mật. Việc ủy quyền phải được quy định cụ thể tại Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước của cơ quan, tổ chức.

Điều 10. Thủ tục xin phép mang tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước đi công tác trong nước, về nhà riêng

Cán bộ, công chức, viên chức chỉ được mang tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước đi công tác, về nhà riêng khi có yêu cầu nhiệm vụ công tác đặt ra và được người đứng đầu hoặc cấp phó phụ trách trực tiếp của cơ quan, tổ chức phê duyệt; phải đăng ký với cán bộ phụ trách làm công tác bảo vệ bí mật Nhà nước của cơ quan, tổ chức và có kế hoạch bảo vệ tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước đó.

Điều 11. Bảo vệ khu vực cấm, địa điểm cấm thuộc phạm vi bí mật Nhà nước

1. Việc xác định khu vực cấm, địa điểm cấm thuộc phạm vi bí mật Nhà nước thực hiện theo quy định tại Quyết định 160/2004/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các khu vực cấm, địa điểm cấm phải đặt biển cấm và có nội quy bảo vệ. Tùy tính chất và yêu cầu của từng khu vực cấm, địa điểm cấm, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định việc thực hiện biện pháp và sử dụng các trang thiết bị bảo vệ; quyết định cho phép người ra, vào.

Điều 12. Giải mật, giảm mật, tăng mật tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước do các cơ quan, tổ chức soạn thảo

1. Thực hiện theo Điều 12 và Điều 13 của Thông tư 33/2015/TT-BCA ngày 20 tháng 7 năm 2015.

2. Đối với các tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì cơ quan tham mưu soạn thảo có trách nhiệm đề xuất việc giải mật, giảm mật, tăng mật tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước gửi Công an tỉnh. Công an tỉnh kiểm tra, rà soát lại đề xuất của các cơ quan, tổ chức để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thực hiện việc giải mật, giảm mật, tăng mật.

3. Vào ngày 31/10 hàng năm, các cơ quan, tổ chức báo cáo Công an tỉnh (qua Phòng An ninh chính trị nội bộ) việc thực hiện giải mật, giảm mật, tăng mật các tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước do cơ quan, tổ chức soạn thảo.

Điều 13. Đảm bảo điều kiện phục vụ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước

1. Việc trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Nhà nước do người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định.

2. Kinh phí dành cho công tác bảo vệ bí mật Nhà nước của các cơ quan, tổ chức được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 110/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

3. Căn cứ vào tình hình thực tế, các cơ quan, tổ chức cân đối các nguồn kinh phí để hỗ trợ và thực hiện nhiệm vụ theo các chỉ tiêu, định mức hiện hành.

Điều 14. Kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ bí mật Nhà nước

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức thực hiện việc kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật Nhà nước định kỳ hoặc đột xuất trong phạm vi quản lý của mình. Kịp thời báo cáo việc hư hỏng, lộ, lọt, mất tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước về Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh.

2. Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh và các huyện, thành phố phải tiến hành kiểm tra định kỳ ít nhất hai năm một lần.

3. Người có hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước thì tùy theo tính chất của hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Khi có khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ bí mật Nhà nước, Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ vào ngày 31/10 hàng năm, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo việc thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước về Công an tỉnh.

2. Khi có yêu cầu đột xuất cần tiến hành sơ, tổng kết tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước, Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh có hướng dẫn riêng.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phổ biến rộng rãi

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

và triển khai thực hiện Quy chế này tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

2. Những nội dung có liên quan đến công tác bảo vệ bí mật Nhà nước không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước, Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước và Thông tư số 33/2015/TT-BCA.

3. Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quy chế này tại các cơ quan, tổ chức trên địa bàn toàn tỉnh.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh liên quan đến bảo vệ bí mật Nhà nước, đề nghị các cơ quan, tổ chức kịp thời phản ánh về Thường trực Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh để được hướng dẫn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Cao Văn Trọng

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quê quán:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Được phân công làm công tác ....

từ ngày ... tháng ... năm ...

Tôi hiểu rằng việc giữ gìn bí mật Nhà nước là để bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tôi đã được nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

Tôi xin cam kết như sau:

1. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Không để lộ, lọt những bí mật Nhà nước mà tôi được giao xử lý, bảo quản, lưu giữ.

3. Khi không làm công tác này nữa tôi cam kết không tiết lộ bí mật Nhà nước.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan nếu có sai phạm./.

Chứng nhận **của Thủ trưởng cơ quan** *(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**Người cam kết** *(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn